TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/ DS-ST.
Ngày: 28/9/2018.
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.
+ Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Đỗ Thanh Bình.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bảy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/ 2018/TLST-DS ngày 05/6/ 2018 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST - DS ngày 21/8/2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 13/2018/ QĐST - DS, ngày 10/9/2018. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngân H *(tên thường gọi:Hương)*, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Tổ dân phố a, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.
-Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1965; bà Lê Thị T, sinh năm 1966.
Cùng địa chỉ: Thôn b, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Bà H có mặt; ông C và bà T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H trình bày: Giữa bà và vợ chồng ông Lê Văn C - bà Lê Thị T *(địa chỉ tại Thôn b, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai)* có mối quan hệ quen biết với nhau từ năm 2014, do bà bán phân cho bà T, nên vào ngày 19/ 6/ 2015, khi bà T hỏi mượn tiền để bà T đáo nợ Ngân hàng và trả lãi cho Phụ nữ, thì bà đã đưa cho vợ chồng ông Lê Văn C - bà Lê Thị T mượn số tiền mặt là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*. Ngay sau khi nhận tiền, bà T tự nguyện viết Giấy mượn tiền đề ngày 19/6/2015, ông C - bà T đều tự nguyện ký ghi rõ họ tên. Nội dung của Giấy mượn tiền thể hiện việc ông C - bà T mượn của bà số tiền 35.000.000 đồng, hẹn 20 ngày sẽ hoàn

trả lại cho bà đầy đủ số tiền nợ trên. Ông C - bà T còn giao cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(viết tắt:GCNQSDĐ)* nông nghiệp để bà giữ làm tin.

Sau 10 ngày, kể từ ngày ông C - bà T mượn tiền của bà, thì ông C - bà T đến nhà bà trình bày hoàn cảnh và phương án trả nợ cho bà bằng việc ông C - bà T mượn lại GCNQSDĐ nông nghiệp trên để thế chấp Ngân hàng mới có tiền trả nợ cho bà và hẹn trong khoảng thời gian 10 ngày ông - bà làm xong thủ tục vay thế chấp GCNQSDĐ sẽ trả toàn bộ số nợ gốc cho bà, bà đồng ý nên đã giao lại GCNQSDĐ cho ông C - bà T.

Vào thời điểm tháng 10/2017, ông C - bà T hứa được trả nợ dần cho bà, được bà đồng ý nhưng ông C - bà T không thực hiện lời hứa, nên bà khởi kiện để yêu cầu ông C - bà T phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*.

Nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H trình bày về nội dung Giấy mượn tiền, bà T đã ghi ... có mượn của chị H H – *ông H là chồng bà,* đây chỉ là cách thường gọi ghép tên vợ chồng bà mà bà T và mọi người hay gọi nên quen, chứ ông H không có liên quan gì đến việc vay, mượn tiền giữa hai bên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, bằng việc giảm số nợ gốc 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* cho bị đơn, chỉ yêu cầu bị đơn ông C - bà T trả số nợ gốc là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* và không yêu cầu ông C - bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc từ thời điểm vay nợ cho đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm *(ngày 28/9/2018).*

Nguyên đơn yêu cầu: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Lê Văn C và bà Lê Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị T:

Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông Lê Văn C và bà Lê Thị T đến Tòa án nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án. Ngày 10/ 6/ 2018, bị đơn bà Lê Thị T đã chấp hành đến Tòa án nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó bà T nhận thay và cam kết giao tận tay cho ông C 01 bản.

Tòa án ban hành văn bản tố tụng để yêu cầu ông C – bà T tự khai về quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án mở. Nhưng tại các thời điểm Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng trên thì ông C và bà T đều có mặt tại địa phương, nhưng cố tình trốn tránh không có mặt tại nơi cư trú (*nơi ở*) nên không trực tiếp giao, nhận các văn bản tố tụng cho ông C-bà T được. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 25/6/2018, bị đơn bà Lê Thị T đã tự khai, có nội dung: 19/ 6/ 2015, vợ chồng tôi có vay của chị H số tiền là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn), có thế chấp sổ đỏ đất vườn, có ký giấy vay tiền, có hai vợ chồng ký, nhưng đã trả hết số nợ trên để lấy sổ đỏ về nhưng không có lấy giấy mượn tiền về vì vợ chồng tôi tin tưởng chị H là người lớn.

Trong các phiên hòa giải, phiên tòa ngày 10/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay (*ngày 28/9/2018*), mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông C - bà T đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông C - bà T đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ, không trực tiếp trình bày bổ sung quan điểm, chứng minh việc ông - bà đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho nguyên đơn như bản tự khai bà T trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang phát biểu ý kiến:

Chứng cứ mà nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H cung cấp cho Tòa án để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp đã được bị đơn bà Lê Thị T thừa nhận. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận việc bà Phan Thị Ngân H khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải trả nợ số tiền vay 35.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 19.6.2015 là có căn cứ.

Việc bị đơn bà Lê Thị T cho rằng bà đã trả hết số nợ trên cho bà H (H) để lấy sổ đỏ về nhưng không có lấy giấy mượn tiền về vì vợ chồng tin tưởng bà Hương là người lớn, nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để tin vào lời khai của bà T. Mặt khác, ông C (chồng bà T) không thể hiện quan điểm của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và luôn vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, điều này đã mặc nhiên thể hiện ông C và bà T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền cho bà H. Do đó. Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ tiền đối với bị đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó nguyên đơn giảm nợ cho bị đơn 5.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả 30.000.000 đồng. Do đó, HĐXX cần xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn.

Đề nghị HĐXX căn cứ tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa và thực tế diễn biến tại phiên tòa hôm nay để giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn nhận xét việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất áp dụng các căn cứ pháp lý để giải giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử *(HĐXX)* nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H với bị đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị T là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là bà H và bên vay là ông C - bà T, quan hệ này được lập thành văn bản, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ, bà H là chủ thể trong giao dịch có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Kbang đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa ngày 10/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay (*ngày 28/9/2018*), mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông C - bà T đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, trình bày và đưa ra các chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông C - bà T đều vắng mặt, không có lý do và ông- bà đều không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo trình tự và quy định, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay là bà Phan Thị Ngân H và người vay nợ là vợ chồng ông C - bà T đã thực hiện việc giao kết hợp đồng là 01 Giấy mượn tiền, bà H đã giao nộp cho Tòa án để làm chứng cứ khởi kiện, có nội dung:

" Tôi: Lê Thị T

Chồng: Lê Văn C.

*Thôn 1 xã Đ K Gia Lai có mượn của chị H **H** với số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn). Hẹn 20 ngày em hoàn trả lại cho anh chị. Em có giữ lại anh chị một Sổ Đỏ đất vườn.*

Ngày 19.6.2015. Người mượn tiền ký ghi rõ họ tên là *Lê Thị T và (Chồng) Lê Văn C".*

Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H yêu cầu ông C - bà T phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*, làm 01 lần. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn tự nguyện giảm nợ cho bị đơn 5.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả 30.000.000 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn không thuộc trường hợp giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu của nguyên đơn, nên cần chấp nhận. Bà H không yêu cầu ông C - bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc từ thời điểm vay nợ cho đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm *(ngày 28/9/2018).*

Nguyên đơn yêu cầu: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Lê Văn C và bà Lê Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H và bị đơn bà Lê Thị T đều thừa nhận, vào ngày 19/ 6/ 2015, bị đơn Lê Văn C và Lê Thị T đã được nguyên đơn cho mượn số tiền là 35.000.000 đồng, ông C- bà T cùng nhận tiền, bà T là ngươi trực tiếp ghi Giấy mượn tiền, cả ông C- bà T cùng tự nguyện ký tên Lê Văn C, Lê Thị T, nhưng việc trả nợ lại có mâu thuẫn, bà H cho rằng ông C- bà T chưa trả nợ cho bà nên bà khởi kiện và đòi nợ, còn bà T trình bày đã trả nợ xong, nhưng không lấy lại Giấy mượn tiền bà đã giao cho bà H.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản gốc Giấy mượn tiền, thể hiện số tiền bị đơn còn nợ chưa trả là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*.

Bị đơn ông Lê Văn C, trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho bà T hay cho ai tham gia tố tụng nên không cung cấp chứng cứ và không trực tiếp trình bày quan điểm của mình để chứng minh cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Đối với bị đơn bà Lê Thị T, tại Bản tự khai đề ngày 25/ 6/ 2018, bà T thừa nhận có mượn số tiền là 35.000.000 đồng, nhưng bà cho rằng bà đã thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ cho bà H, sau khi trả nợ xong thì bà quên không lấy lại Giấy mượn tiền, nên bà H đã khởi kiện. Khi bà T nộp Bản tự khai, đã được Thẩm phán hướng dẫn cho bà cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình, nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ của mình, không nêu được không gian, thời gian trả nợ , không cung cấp thông tin những người chứng kiến việc trả nợ *(nếu có)*. Điều này đã mặc nhiên thể hiện bị đơn hiện vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng.

Trong trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc tiết cận, công khai chứng cứ; các phiên hòa giải cũng như tại hai phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cả hai bị đơn bị đơn Lê Văn C và Lê Thị T đều không hợp tác, luôn vắng mặt không có lý do và không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ thể hiện quan điểm của mình trong việc giải quyết khoản nợ tiền đối với bà Phan Thị Ngân H.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy lời trình bày và chứng cứ khởi kiện của nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện giảm nợ cho bị đơn 5.000.000 đồng, theo đó nguyên đơn chỉ yêu cầu HĐXX buộc bị đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng. HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự, nên cần căn cứ vào các Điều 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Phan Thị Ngân H (đối với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng) cho đến khi bên phải thi hành án là ông Lê Văn C và bà Lê Thị T thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Phan Thị Ngân H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108 và khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 184; Điều 227; 228; 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H (*tên gọi khác là Hương*). Buộc bị đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* cho nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Phan Thị Ngân H (đối với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng) cho đến khi bên phải thi hành án là ông Lê Văn C và bà Lê Thị T thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải chịu 1.500.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Ngân H, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 875.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0006489 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả T Thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 LTHADS.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với bị đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai.
-VKS Kbang.
-THA Kbang.
-Các đương sự.
-Lưu HS vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

ĐỖ THỊ LÀNH

ĐỖ THỊ LÀNH